

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2024/KDTM-ST
Ngày: 23/9/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Đẹp;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 14/2022/TLST-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 451/2024/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 357/2024/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A;

Địa chỉ trụ sở: Số XY Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ T T (văn bản ủy quyền số YXYX/2024/UQ-PGD ngày 22/8/2024) (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Tầng N, tòa nhà M, số YX Cao Thắng, Phường H, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B;

Địa chỉ: Số yyy/ab đường MN, ấp Tây Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T; sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Trần Thị N Đ**; Sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số DXY/N tổ H, ấp MN, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ông **Trần Văn T**; Sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản lập tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A trình bày:

Ngày 07/10/2020, Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là NH A) và Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H09/20396 với hạn mức thấu chi 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thời hạn duy trì hạn mức thấu chi 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 24%/năm, mục đích bổ sung vốn kinh doanh phục vụ cho hoạt động dịch vụ viễn thông thanh toán chiết khấu cao.

Thực hiện hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H09/20396 ngày 07/10/2020 được ký giữa NH A và Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B. NH A đã cấp hạn mức thấu chi 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) cho bị đơn qua tài khoản thanh toán số 225754454. Bị đơn sử dụng vốn vay thấu chi bằng phương thức chuyển khoản thông qua các lệnh thanh toán hợp pháp từ tài khoản thấu chi (gọi tắt là TKTC), thời điểm nhận nợ là thời điểm bị đơn sử dụng vốn vay thông qua các dịch vụ thanh toán qua TKTC do NH A cung cấp.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty đã thực hiện các giao dịch qua TKTC số 225754454 với tổng số tiền là 1.330.795.000 (Một tỷ ba trăm ba mươi triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn) đồng và đã đóng vào 334.123.838 đồng (Ba trăm ba mươi bốn triệu một trăm hai mươi ba nghìn tám trăm ba mươi tám đồng), trong đó có 1.458.344 đồng được trích từ tài khoản số 163625067 của Công ty mở tại NH A để thanh toán nợ gốc cho TKTC số 225754454. Số tiền này được ghi nhận vào nợ gốc mà Công ty phải trả và NH A sẽ tự động trích thu bất kỳ khoản tiền nào được ghi có trên TKTC để thu vào nợ gốc. Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản, ngày quá hạn 09/03/2021. Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. NH A đã nhiều lần liên hệ và làm

việc với Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B, ông Trần Văn T và bà Trần Thị N Đ để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B, ông Trần Văn T và bà Trần Thị N Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NH A. NH A yêu cầu Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B trả số tiền tạm tính đến ngày 23/9/2024 là **2.277.260.374 đồng** (Hai tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn ba trăm bảy mươi bốn đồng) trong đó số tiền nợ gốc thấu chi là 996.671.162 đồng; Lãi trong hạn là 5.250.435 đồng; Lãi quá hạn là 1.273.475.952 đồng; Lãi chậm trả là 1.862.825 đồng.

Kể từ ngày 24/9/2024 Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H09/20396 ngày 07/10/2020 đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho NH A.

Để bảo đảm cho khoản vay trên NH A và ông Trần Văn T, bà Trần Thị N Đ đã ký các hợp đồng bảo lãnh số H09/20396/HDBL ngày 07/10/2020 của ông Trần Văn T và Hợp đồng bảo lãnh số H09/20396/HDBL ngày 07/10/2020 của bà Trần Thị N Đ với nội dung ông Trần Văn T và bà Trần Thị N Đ đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trường hợp Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B không thanh toán khoản nợ nêu trên thì buộc ông Trần Văn T, bà Trần Thị N Đ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn Công ty Standard Vina, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T, bà Trần Thị N Đ nhưng các đương sự vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và

nghĩa vụ theo Điều 72, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ hợp đồng cho vay và các hợp đồng bảo lãnh đã ký của các bên và căn cứ các Điều 342, Điều 466 Bộ luật dân sự, Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A và bị đơn Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B có ký hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H09/20396 ngày 07/10/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn thiếu theo thỏa thuận của các bên. Căn cứ kết quả xác minh ngày 14/02/2022 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh xác định Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B địa chỉ trụ sở chính tại Số yyy/ab đường MN, ấp Tây Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, có cơ sở xác định địa chỉ trên là địa chỉ đăng ký kinh doanh tính đến thời điểm khởi kiện và đó cũng là địa chỉ giao kết trong hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản giữa hai bên. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về việc vắng mặt đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Xét yêu cầu của NH A yêu cầu Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B trả số tiền tạm tính đến ngày 23/9/2024 là 2.277.260.374 đồng (Hai tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn ba trăm bảy mươi bốn đồng) trong đó số tiền nợ gốc thấu chi là 996.671.162 đồng; Lãi trong hạn là 5.250.435 đồng; Lãi quá hạn là 1.273.475.952 đồng; Lãi chậm trả là 1.862.825 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 24/9/2024 theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H09/20396 ngày 07/10/2020 đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho NH A.

Xét các bên tham gia ký hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H09/20396 ngày 07/10/2020 được ký giữa NH A và Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; việc ký kết hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng thì lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi là phù hợp với quy định của pháp luật. Các thỏa thuận tại hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi có nội dung và mục đích không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi giữa nguyên đơn và bị đơn là có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H09/20396 ngày 07/10/2020 NH A đã cấp hạn mức thấu chi 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) qua tài khoản thanh toán số 225754454 cho bị đơn. Bị đơn sử dụng vốn vay thấu chi bằng phương thức chuyển khoản thông qua các lệnh thanh toán hợp pháp từ tài khoản thấu chi, thời điểm nhận nợ là thời điểm Công ty sử dụng vốn vay thông qua các dịch vụ thanh toán qua TKTC do NH A cung cấp. Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B đã thực hiện các giao dịch qua TKTC số 225754454 với tổng số tiền 1.330.795.000 đồng và đã đóng vào 334.123.838 đồng, trong đó có 1.458.344 đồng được trích từ tài khoản số 163625067 của Công ty mở tại NH A để thanh toán nợ gốc cho TKTC số 225754454.

Từ ngày 09/03/2021. Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên NH A đã chuyển toàn bộ số tiền sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 7 của hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H09/20396 ngày 07/10/2020. NH A yêu cầu Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B trả số tiền tạm tính đến ngày 23/9/2024 là 2.277.260.374 đồng (Hai tỷ hai trăm

bảy mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn ba trăm bảy mươi bốn đồng) trong đó số tiền nợ gốc thấu chi là 996.671.162 đồng; Lãi trong hạn là 5.250.435 đồng; Lãi quá hạn là 1.273.475.952 đồng; Lãi chậm trả lãi 1.862.825 đồng. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 5 của hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Văn T và bà Trần Thị N Đ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Căn cứ các hợp đồng bảo lãnh số H09/20396/HDBL ngày 07/10/2020 giữa NH A với ông Trần Văn T và Hợp đồng bảo lãnh số H09/20396/HDBL ngày 07/10/2020 giữa NH A và bà Trần Thị N Đ, tại Điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh xác định: “...Bên bảo lãnh cam kết dùng mọi tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của bên bảo lãnh hoặc thu xếp để có tài sản từ tất cả các nguồn khác để bảo đảm khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bên được bảo lãnh...” Căn cứ các điều 335, 336 và 342 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Văn T và bà Trần Thị N Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

[3.3]. Về phần bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có bất cứ ý kiến nào phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, đồng thời vắng mặt tại các phiên họp và phiên tòa xét xử sơ thẩm mà không có lý do, điều này cho thấy bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã từ bỏ quyền phản đối của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nên phải tự chịu hậu quả của việc không chứng minh theo khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ trên yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét, giải quyết vụ án.

[4] Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là **77.545.207** đồng (Bảy mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm linh bảy đồng).

[5] Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại cho nguyên đơn

số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã nhận định đúng về thủ tục tố tụng, phân tích đúng nội dung của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8]. Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 63, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, 280, 335, 336; 342 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 24, Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

Buộc Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền còn nợ của hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H09/20396 ngày 07/10/2020 tính đến hết ngày 23/9/2024 là **2.277.260.374 đồng** (Hai tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn ba trăm bảy mươi bốn đồng) trong đó số tiền nợ gốc thấu chi là 996.671.162 đồng; Lãi trong hạn là 5.250.435 đồng; Lãi quá hạn là 1.273.475.952 đồng; Lãi chậm trả là 1.862.825 đồng. Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 24/9/2024, Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B vẫn phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H09/20396 ngày 07/10/2020 cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho NH A. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kì của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho NH A thì ông Trần Văn T và bà Trần Thị N Đ phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B theo các hợp đồng bảo lãnh số H09/20396/HDBL ngày 07/10/2020 giữa ông Trần Văn T với NH A và Hợp đồng bảo lãnh số H09/20396/HDBL ngày 07/10/2020 giữa bà Trần Thị N Đ với NH A.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 77.545.207 đồng (Bảy mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm linh bảy đồng), Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư B phải chịu, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí là 26.357.671 (Hai mươi sáu triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi một) đồng, theo biên lai thu số AA/2021/0038846 ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương